

# BẢNG CHỈ DẪN AN TOÀN

## HÓA CHẤT

Tên sản phẩm: Phụ gia dầu nhớt nano Graphene

### PHẦN I: THÔNG TIN SẢN PHẨM VÀ NHÀ SẢN XUẤT

Tên sản phẩm:	Phụ gia dầu nhớt nano Graphene 100ml
Công ty:	Công ty Cổ Phần Công Nghệ Nano Ứng Dụng (ANTECH., Jsc)
Địa chỉ:	Số 11, Khu C, Khu tập thể Hóa học, Phường Xuân La, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
Đường dây nóng:	+84 966 189368
Điện thoại:	+84 4 39182888
Fax:	

Phụ gia dầu nhớt Nano Graphene giúp tăng hiệu suất động cơ, kéo dài tuổi thọ động cơ, tiết kiệm nhiên liệu, giảm nhiệt độ động cơ, giảm ma sát động cơ, tiếng ồn, độ rung, kéo dài thời gian thay nhớt động cơ.

### PHẦN II: XÁC ĐỊNH NGUY HIỂM

Thể tích: 100 ml

#### 2.1 Phân loại chất hoặc hợp chất

· Các thành phần xác định mối nguy:

Oleic acid.

Dầu tổng hợp.

#### 2.2 Cảnh báo nguy cơ

Có hại nếu nuốt phải.

Có thể gây tổn thương các cơ quan khi tiếp xúc lâu dài hoặc lặp đi lặp lại.

· Các tuyên bố đề phòng

Nếu cần tư vấn y tế, hãy chuẩn bị sẵn chai đựng hoặc nhãn sản phẩm.

Tránh xa tầm tay trẻ em.

Đọc nhãn trước khi sử dụng.

Không hít phải bụi / khói / khí / sương mù / hơi / phun.

Rửa tay kỹ sau khi sử dụng.

Mang găng tay bảo hộ / quần áo bảo hộ / bảo vệ mắt / bảo vệ mặt.

**NẾU NUỐT PHẢI:** Gọi cho TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC / bác sĩ nếu bạn cảm thấy không khỏe.

Súc miệng.

**NẾU** bị phơi nhiễm hoặc lo ngại: Nhận tư vấn / chăm sóc y tế.

Vứt bỏ chai lọ / vật chứa theo quy định của địa phương / khu vực / quốc gia / quốc tế.

### **PHẦN III: THÔNG TIN THÀNH PHẦN**

---

<b>Hóa chất</b>	<b>CAS #</b>	<b>Wt. %</b>
Distillates (petroleum), hydrotreated heavy paraffinic	CAS: 64742-54-7	50 – 98 %
Oleic acid	CAS: 112-80-1	1 – 5 %
Nano graphene	CAS : 7782-42-5	0.1 – 1 %

### **PHẦN IV: BIỆN PHÁP SƠ CỨU**

---

#### **4.1 Mô tả các biện pháp sơ cứu**

· Thông tin chung:

Các triệu chứng ngộ độc thậm chí có thể xảy ra sau vài giờ; do đó cần theo dõi y tế ít nhất 24 giờ sau khi tai nạn xảy ra.

· Sau khi hít phải: Cung cấp không khí trong lành; tham khảo ý kiến bác sĩ trong trường hợp khiếu nại.

· Sau khi tiếp xúc với da: Rửa sạch da bằng xà phòng và nước hoặc dùng những chất làm sạch da đã được công nhận. Cởi quần áo và giày dép khi bị nhiễm. Giặt quần áo và giày dép thật kỹ trước khi mang lại.

- Sau khi tiếp xúc với mắt: Rửa mắt trong vài phút dưới vòi nước.
- Sau khi nuốt phải: Gọi cho bác sĩ ngay lập tức.

#### **4.2 Các ảnh hưởng và triệu chứng quan trọng nhất, cả cấp tính và biểu hiện chậm**

Xem phần XI để biết thêm thông tin chi tiết về hậu quả và triệu chứng liên quan đến sức khỏe.

#### **4.3 Chỉ định bất kỳ sự chăm sóc y tế tức thời nào và điều trị đặc biệt cần thiết**

Không có thêm thông tin liên quan nào có sẵn

### ***PHẦN V: CÁC BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY***

---

#### **5.1 Phương tiện chữa cháy**

- Chất chữa cháy thích hợp:

Khi có hỏa hoạn, hãy sử dụng thiết bị chữa cháy hoặc bình phun sương nước, bọt biển chịu cồn, hóa chất khô, hoặc cacbon dioxit.

- Các chất chữa cháy không phù hợp:

Không sử dụng tia nước.

- Các sản phẩm đốt cháy có thể bao gồm những chất sau:

Các oxit kim loại, oxit cacbon (CO, CO<sub>2</sub>), Oxit lưu huỳnh (SO, SO<sub>2</sub>,...).

- Các hành động bảo vệ đặc biệt cho người chữa cháy:

Không nên đưa ra hành động nào nếu có thể gây nguy hại cho cá nhân hoặc nếu chưa được huấn luyện thích đáng. Nếu thấy có cháy, nhanh chóng cô lập hiện trường bằng cách đưa tất cả mọi người ra khỏi khu vực đang xảy ra sự cố.

- Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy:

Lính cứu hỏa phải mang thiết bị thở tự hành áp suất dương (SCBA) và đồ nghề đầy đủ.

#### **5.2 Các nguy cơ đặc biệt phát sinh từ hóa chất hoặc hỗn hợp**

Nếu cháy hay đun nóng, áp suất sẽ tăng và bình chứa có thể nổ.

#### **5.3 Lời khuyên dành cho lính cứu hỏa.**

- Các hành động bảo vệ đặc biệt cho người chữa cháy:

Không nên đưa ra hành động nào nếu có thể gây nguy hại cho cá nhân hoặc nếu chưa được huấn luyện thích đáng. Nếu thấy có cháy, nhanh chóng cô lập hiện trường bằng cách đưa tất cả mọi người ra khỏi khu vực đang xảy ra sự cố.

· Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy:

Lính cứu hỏa phải mang thiết bị thở tự hành áp suất dương (SCBA) và đồ nghề đầy đủ.

## ***PHẦN VI – CÁC BIỆN PHÁP GIẢM NHỆ TAI NẠN***

---

### **6.1 Các biện pháp phòng ngừa cá nhân, thiết bị bảo hộ và quy trình khẩn cấp**

Không nên đưa ra hành động nào nếu có thể gây nguy hại cho cá nhân hoặc nếu chưa được huấn luyện thích đáng. Di tản khỏi khu vực xung quanh. Ngăn không cho vào những người không cần thiết và không có thiết bị bảo hộ. Không nên sờ mó hoặc dẫm vào chất đã đổ ra. Sử dụng trang bị bảo hộ cá nhân phù hợp. Sàn nhà có thể trơn, hãy cẩn thận để tránh bị ngã.

### **6.2 Các biện pháp phòng ngừa về môi trường:**

Tránh làm lây lan những chỗ hóa chất bị đổ, và không cho chúng thoát ra và tiếp xúc với đất, dòng nước, khu vực thoát nước và cống rãnh. Thông báo cho nhà chức trách liên quan nếu sản phẩm đã gây ô nhiễm môi trường (cống rãnh, nguồn nước, đất hay không khí).

### **6.3 Các phương pháp và vật liệu để ngăn chặn và làm sạch:**

Bịt chỗ rò rỉ nếu không nguy hiểm. Di chuyển các đồ đựng khỏi khu vực có chất đổ. Hút bằng chất trơ rồi cho vào bình chứa chất thải thích hợp. Xử lý thông qua nhà thầu xử lý chất thải có phép.

Bịt chỗ rò rỉ nếu không nguy hiểm. Di chuyển các đồ đựng khỏi khu vực có chất đổ. Ngăn không cho chảy vào đường cống, đường nước, khu hầm hoặc khu vực bị quây kín. Hốt và dọn chỗ đổ bằng chất không cháy nổ, thấm thấu, ví dụ, cát, đất, đất cát hay đất mùn rồi cho vào bình chứa để xử lý theo đúng qui định của địa phương. Nếu nhân viên cấp cứu không có sẵn, ngăn cản lại chất tràn ra. Hút hoặc xúc dầu tràn vào đồ chứa thích hợp để thải bỏ hoặc tái chế, sau đó bao phủ khu vực bị tràn đổ bằng chất thấm hút dầu. Xử lý thông qua nhà thầu xử lý chất thải có phép.

### **6.4 Tham khảo các phần khác**

Xem Phần VII để biết thông tin về cách xử lý an toàn.

Xem Phần VIII để biết thông tin về thiết bị bảo vệ cá nhân.

Xem Phần XIII để biết thông tin về việc thải bỏ.

## ***PHẦN VII: XỬ LÝ VÀ BẢO QUẢN***

---

## 7.1 Các biện pháp phòng ngừa để xử lý an toàn

Trang bị các dụng cụ bảo hộ cá nhân thích hợp.

Cấm không được ăn, uống và hút thuốc trong khu vực xử lý, kho lưu trữ và chế biến chất này. Rửa thật kỹ sau khi xử lý. Cởi bỏ quần áo ô nhiễm và trang bị bảo hộ rồi mới đi vào các khu vực ăn uống. Xem thêm Phần VIII để biết thêm thông tin về các biện pháp vệ sinh.

## 7.2 Các điều kiện để bảo quản an toàn, bao gồm mọi điều kiện

Cất giữ theo đúng quy định của địa phương. Bảo quản trong thùng chứa ban đầu tại khu vực khô, mát và thông thoáng tốt, tránh ánh sáng mặt trời trực tiếp, tránh các vật liệu không tương thích (xem Phần X) và thực phẩm và đồ uống. Đậy thật chặt các đồ đựng và bao lại cho đến khi mang ra dùng. Chỉ cất giữ và sử dụng trong thiết bị/thùng chứa được thiết kế riêng cho sản phẩm này. Các đồ đựng đã mở ra phải được đóng lại cẩn thận và để dựng đứng tránh rò rỉ. Không chứa đựng trong bình không dán nhãn hiệu. Dùng biện pháp ngăn cách thích hợp để tránh ô nhiễm môi trường.

## **PHẦN VIII: KIỂM SOÁT TIẾP XÚC VÀ BẢO VỆ CÁ NHÂN**

---

· Giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp:

Quy trình theo dõi đề nghị: Nếu sản phẩm này có những chất có giới hạn về phơi nhiễm, có thể cần theo dõi cá nhân, không khí nơi làm việc hay sinh học để xác định hiệu quả việc thông gió hay các biện pháp kiểm soát khác và/hay nhu cầu cần dùng thiết bị bảo vệ hô hấp. Cần tham khảo các tiêu chuẩn theo dõi phù hợp. Cũng cần phải tham khảo các hướng dẫn của quốc gia về các phương pháp xác định những chất nguy hiểm.

Các biện pháp kiểm soát kỹ thuật phù hợp: Tất cả các hoạt động liên quan đến hoá chất phải được đánh giá về mức độ rủi ro đối với sức khỏe, để đảm bảo rằng việc phơi nhiễm được kiểm soát đúng mức. Thiết bị bảo hộ cá nhân chỉ được xem xét sau khi các biện pháp kiểm soát khác (nghĩa là kiểm soát về kỹ thuật) đã được đánh giá thích hợp. Thiết bị bảo hộ cá nhân cần phải theo tiêu chuẩn phù hợp, phù hợp cho việc sử dụng, giữ gìn và bảo quản tốt. Nhà cung cấp thiết bị bảo hộ cá nhân cần tư vấn để có lời khuyên về việc chọn lựa và tiêu chuẩn phù hợp. Để biết thêm thông tin, hãy liên hệ với tổ chức tiêu chuẩn tại quốc gia bạn. Cung cấp hệ thống thông gió hay thiết bị kiểm soát khác để giữ nồng độ không khí liên quan ở dưới giới hạn độc hại nghề nghiệp tương ứng. Lựa chọn cuối cùng về thiết bị bảo hộ sẽ phụ thuộc vào mức độ đánh giá rủi ro. Điều quan trọng là phải đảm bảo rằng tất cả các hạng mục thiết bị bảo hộ cá nhân đều phải phù hợp.

Kiểm soát phơi nhiễm môi trường: Phải kiểm tra khí thải từ ống thông gió hay thiết bị dây chuyền làm việc để bảo đảm chúng tuân thủ yêu cầu luật lệ bảo vệ môi trường. Trong một số trường hợp, cần có bộ lọc khói, màng lọc hay điều chỉnh cơ khí đối với thiết bị trong dây chuyền để giảm khí thải tới mức chấp nhận được.

· Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc:

Biện pháp vệ sinh: Rửa bàn tay, cánh tay, và mặt cho thật sạch sau khi làm việc với hóa chất, trước khi ăn uống, hút thuốc và dùng nhà vệ sinh và vào lúc cuối giờ làm. Phải sử dụng kỹ

thuật thích hợp để lột bỏ quần áo có thể đã bị nhiễm. Giặt sạch trang phục có dính chất độc trước khi dùng lại. Cần đặt những trạm rửa mắt và phòng tắm bảo an toàn ở gần địa điểm làm việc.

**Bảo vệ mắt:** Nên dùng kính bảo hộ.

**Bảo vệ da:** Hãy đeo găng tay bảo hộ nếu có khả năng tiếp xúc kéo dài hoặc thường xuyên. Hãy đeo găng tay bảo hộ chống hoá chất. Khuyến nghị: Găng tay nitril. Sự lựa chọn đúng găng tay bảo hộ phụ thuộc vào các chất hóa học được xử lý, điều kiện làm việc và sử dụng, và tình trạng của găng tay (thậm chí găng tay chống chất hóa học tốt nhất sẽ bị rách sau sự phơi nhiễm hóa học liên tục). Hầu hết các găng tay chỉ có tác dụng bảo vệ trong một thời gian ngắn và phải được hủy bỏ và thay thế kịp thời. Do các môi trường làm việc cụ thể và thực tế thao tác với vật liệu thay đổi, các quy trình an toàn cần được xây dựng cho mỗi ứng dụng đã định. Vì thế, găng tay cần được chọn với sự tư vấn của nhà cung cấp/nhà sản xuất và với sự đánh giá đầy đủ về các điều kiện làm việc. Sử dụng quần áo bảo hộ là thực hành công nghiệp tốt. Phải chọn thiết bị bảo hộ cá nhân cho cơ thể dựa vào nhiệm vụ đang thi hành và nguy cơ gắn liền và phải được chuyên gia chấp thuận trước khi xử lý sản phẩm này. Quần áo bảo hộ lao động làm bằng bông hoặc polyester/bông sẽ chỉ cung cấp bảo vệ chống lại sự nhiễm bẩn nhẹ trên bề mặt và không thấm xuyên qua da. Cần thường xuyên giặt quần áo bảo hộ lao động. Khi có rủi ro phơi nhiễm da cao (ví dụ khi dọn sạch sản phẩm bị tràn đổ hoặc khi có rủi ro bị văng vào), cần mang tạp dề hoặc quần áo chống hoá chất và mang giày ống.

**Bảo vệ hô hấp:** Trong trường hợp thiếu thông gió, mang thiết bị thở thích hợp. Để tránh các chất lỏng trong quá trình gia công kim loại, cần sử dụng biện pháp bảo vệ hô hấp phù hợp được phân loại là "kháng được chất dầu" (nhóm R) hoặc chống dầu (nhóm P). Tùy theo mức độ của các chất ô nhiễm trong không khí, cần phải sử dụng mặt nạ nửa mặt có tính năng lọc không khí (với phin lọc HEPA), kể cả mặt nạ dùng một lần (loại P hoặc R) (trong trường hợp mức sương dầu thấp hơn 50 mg/m<sup>3</sup>), hoặc các loại mặt nạ chạy bằng pin, có tính năng lọc không khí được trang bị mũ trùm đầu hoặc mũ bảo hiểm và phin lọc HEPA (trong trường hợp mức sương dầu thấp hơn 125 mg/m<sup>3</sup>). Trong các hoạt động gia công kim loại có tiềm ẩn mối nguy hại là hơi hữu cơ thì có thể cần dùng một phin lọc kết hợp lọc hạt và lọc hơi hữu cơ. Sự lựa chọn đúng đắn việc bảo vệ đường hô hấp tùy thuộc vào loại hoá chất được sử dụng, điều kiện làm việc và sử dụng, và điều kiện của thiết bị hô hấp. Các quy trình an toàn cần được xây dựng cho mỗi ứng dụng đã định. Do vậy, thiết bị bảo vệ hô hấp nên được chọn lựa với sự tư vấn của nhà cung cấp/ nhà sản xuất cùng với sự đánh giá đầy đủ về các điều kiện làm việc.

## **PHẦN IX: TÍNH CHẤT VẬT LÝ VÀ HÓA HỌC**

---

### **9.1 Thông tin cơ bản về các đặc tính vật lý và hóa học**

· Thông tin chung

Trạng thái: Dầu bôi trơn

· Hình thức: Chất lỏng

· Màu sắc: Đen

- Mùi: Có mùi dầu.
- Ngưỡng mùi: Không xác định.
- Giá trị pH: Không xác định
- Khả năng cháy (rắn, khí): Không có sẵn.
- Đặc tính nổ: Không có sẵn.
- Tỷ trọng tương đối: Không có sẵn
- Tỷ trọng hơi: Không có sẵn.
- Tỷ lệ hóa hơi: Không có sẵn.
- Hệ số phân chia nước/Octanol: Không có sẵn.
- Nhiệt độ tự cháy: Không có sẵn.
- Nhiệt độ phân hủy: Không có sẵn.
- Độ nhớt: Không có sẵn.
- Khả năng hòa tan trong / Khả năng hòa trộn với nước: Không có sẵn.

## ***PHẦN X: TÍNH ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG.***

---

### **10.1 Khả năng phản ứng**

Không có dữ liệu thử nghiệm cụ thể nào cho sản phẩm này. Tham khảo **Các điều kiện cần tránh** và **Vật liệu không tương thích** để biết thêm thông tin.

### **10.2 Tính ổn định hóa học**

Sản phẩm ổn định.

### **10.3 Khả năng xảy ra phản ứng nguy hiểm**

Trong điều kiện bảo quản và sử dụng thông thường, các phản ứng gây nguy hiểm sẽ không xảy ra. Dưới tình trạng lưu trữ và sử dụng bình thường, polyme hóa nguy hại sẽ không xảy ra.

### **10.4 Các điều kiện cần tránh**

Tránh để gần những nơi có thể kích hỏa (tia lửa hoặc ngọn lửa).

### **10.5 Vật liệu không tương thích**

Phản ứng hay không tương thích với các chất sau: các chất ôxy hoá.

## **10.6 Sản phẩm phân hủy nguy hiểm**

Trong các điều kiện lưu trữ và sử dụng thông thường, các sản phẩm phân hủy nguy hại sẽ không phát sinh.

## ***PHẦN XI: THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH***

---

### **11.1 Thông tin về tác dụng độc học**

Nguy hiểm bị ngạt từ nôn mửa: Không có sẵn.

Thông tin về các đường tiếp xúc có khả năng xảy ra: Đường xâm nhập lường trước được: ngoài da, hít phải.

Tiếp xúc mắt: Chưa biết các hậu quả nghiêm trọng hay các mối nguy hại nào.

Hít phải: Việc hít phải hơi nước trong môi trường xung quanh thường không phải là vấn đề do áp suất hơi nước thấp.

Tiếp xúc ngoài da: Khử mỡ dưới da, có thể gây khô da và kích ứng.

Phơi nhiễm ngắn hạn: Không có sẵn.

Phơi nhiễm dài hạn: Không có sẵn.

Tác động sức khỏe mãn tính tiềm ẩn: Chưa biết hậu quả nghiêm trọng hay các mối nguy hại nào.

Các giá trị ước tính độ độc cấp tính: Không có sẵn.

## ***PHẦN XII: THÔNG TIN VỀ SINH THÁI***

---

### **12.1 Độc tính**

Độc tính đối với thủy sinh: Không có thông tin liên quan.

### **12.2 Tính bền và khả năng phân hủy**

Không được xem là sẽ phân hủy nhanh.

### **12.3 Khả năng tồn lưu.**

Sản phẩm này không được cho là tích lũy sinh học qua chuỗi thức ăn trong môi trường.

## ***PHẦN XIII: CHÚ Ý CHẤT THẢI***

---



Các phương pháp thải bỏ: Cần tránh hoặc nếu có thể giảm thiểu việc tạo ra chất thải. Các số lượng đáng kể của cặn dư sản phẩm thải không được thải bỏ qua đường cống rãnh mà phải được xử lý trong một trạm xử lý nước thải thích hợp. Chỉ do các nhà thầu được cấp phép xử lý các sản phẩm thừa hay các sản phẩm không tái chế được xử lý chất thải. Bất cứ lúc nào, việc thải bỏ sản phẩm, dung dịch hoặc sản phẩm phụ phải phù hợp với các yêu cầu của cơ quan bảo vệ môi trường, luật lệ xử lý chất thải, và quy định của chính quyền địa phương hay khu vực. Bao bì đựng chất thải phải được thu hồi tái chế. Chỉ nên xem xét thực hiện việc đốt cháy hoặc chôn lấp khi việc thu hồi tái chế là không thể thực hiện được. Chất này và bình chứa cần phải được xử lý theo cách an toàn. Bình rỗng hay các lớp lót có thể giữ lại cặn sản phẩm. Tránh làm lây lan những chỗ vật liệu bị đổ trào, và không cho chúng thoát ra và tiếp xúc với đất, dòng nước, khu vực thoát nước và cống rãnh.

## **PHẦN XIV: THÔNG TIN VẬN CHUYỂN**

---

IATA: Hàng hóa Không nguy hiểm

IMDG: Hàng hóa Không nguy hiểm

## **PHẦN XV: THÔNG TIN QUY ĐỊNH**

---

Các quy định riêng về an toàn, y tế và môi trường cho sản phẩm: Chưa rõ có quy định quốc gia và/hoặc khu vực nào được áp dụng đối với sản phẩm này.

Phân loại chất độc (TCVN 3164-79): Không được xếp vào loại nguy hiểm.

Tình trạng danh mục của Úc: Tất cả các thành phần được liệt kê hoặc được miễn trừ.

Danh mục của Canada: Tất cả các thành phần được liệt kê hoặc được miễn trừ.

Danh mục của Trung Quốc IECSC): Tất cả các thành phần được liệt kê hoặc được miễn trừ.

Danh mục của Nhật Bản (ENCS): Tất cả các thành phần được liệt kê hoặc được miễn trừ.

Danh mục của Hàn Quốc (KECI): Tất cả các thành phần được liệt kê hoặc được miễn trừ.

Danh mục của Hoa Kỳ (TSCA 8b) (Đạo Luật Kiểm Soát Chất Độc): Tất cả các thành phần được liệt kê hoặc được miễn trừ.

## **PHẦN XVI: THÔNG TIN KHÁC**

---

Tất cả các bước khả thi hợp lý đã được thực hiện để đảm bảo thông tin về sức khỏe, an toàn và môi trường trong bảng dữ liệu là chính xác tính đến ngày được nêu dưới đây. Không có sự bảo đảm hoặc diễn đạt nào thể hiện hoặc ngụ ý về sự chính xác hoặc đầy đủ của số liệu và thông tin có trong bảng dữ liệu này.

**Phiên bản số: 1**

**Ngày: 17/06/2022**

**Biên soạn bởi: ANTECH, Jsc.**